

Số: 16 /KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện chương trình công tác năm 2019**

Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết ngành nông nghiệp năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019; Quyết định số 02/QĐ-BNN-KH ngày 02/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2019 ngành nông nghiệp; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Chương trình công tác chủ yếu năm 2019 của UBND tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác năm 2019 như sau:

**I. MỤC TIÊU**

Năm 2019, là năm bứt phá thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020. Nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp trong năm 2019 là: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển hàng hóa các sản phẩm chủ lực, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân.

***Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019:***

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt trên 8.389 tỷ đồng, tăng 4,15% so với thực hiện năm 2018.

- Sản lượng lương thực đạt trên 33,7 vạn tấn.

- Diện tích các cây trồng chủ lực: Cây mía 8.228 ha, cây chè 8.418 ha, cây cam 8.340 ha, cây lạc 4.334 ha.

- Chăn nuôi: Đàn trâu 105.644 con, đàn bò 36.650 con, đàn lợn 596.300 con, đàn gia cầm 6.292 nghìn con. Sản lượng thủy sản 7.622 tấn.

- Trồng rừng 10.850 ha, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 859.000m<sup>3</sup>; làm tốt công tác bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ của rừng trên 60%.

- Duy trì, giữ vững 30 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và phấn đấu có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2019 (*nhiệm vụ cụ thể có biểu chi tiết số 01 và biểu số 02 kèm theo*).

### **2. Đẩy mạnh tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa**

#### **2.1. Trồng trọt**

Tham mưu ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện Luật Trồng trọt thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh. Xây dựng kế hoạch sản xuất, bố trí cơ cấu giống, thời vụ hợp lý từng cánh đồng, từng vùng sản xuất. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, chất lượng giống cây trồng trên địa bàn tỉnh. Tập trung phát triển nâng cao năng suất và phát triển thị trường đối với các cây trồng chủ lực: Cây cam sành, cây mía, cây chè, cây lạc. Mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao. Nhân rộng mô hình sản xuất cánh đồng lớn bằng giống mới; tăng cường đánh giá, lựa chọn giống cây trồng đã sản xuất đạt hiệu quả cao để bổ sung vào bộ giống chủ lực của tỉnh, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Tuyên truyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong thâm canh cây mía để nâng cao năng suất, thu nhập cho người trồng mía. Mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn. Phấn đấu giá trị sản xuất trồng trọt (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt trên 4.220 tỷ đồng.

Làm tốt công tác dự tính, dự báo và hướng dẫn biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng kịp thời; nâng cao nhận thức và hành động của người dân trong buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông nhằm làm tốt vai trò hướng dẫn nông dân canh tác đúng kỹ thuật để mang lại hiệu quả cao.

#### **2.2. Chăn nuôi**

Tham mưu triển khai thực hiện Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn theo đúng quy định. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Mở rộng thực hiện các mô hình liên kết sản xuất chăn nuôi có hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp để nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi tập trung trên tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Tổ chức thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông

hộ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phối hợp thực hiện dự án thụ tinh nhân tạo cho trâu. Chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật. Phân đầu giá trị sản xuất chăn nuôi (theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 2.700 tỷ đồng.

### **2.3. Thủy sản**

Sử dụng, khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hồ thủy điện để nuôi trồng thủy sản bằng lồng. Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống thủy sản; củng cố, nâng cao năng lực sản xuất giống thủy sản tại Trung tâm Thủy sản và các Trại giống thủy sản, trong đó chú trọng phát triển hệ thống cung ứng giống. Nâng cao năng lực sản xuất một số giống cá đặc sản bằng phương pháp sinh sản nhân tạo; chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loài cá bản địa, cá đặc sản, cá thương phẩm cao sản có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng. Tiếp tục hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa, thực hiện nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP. Phân đầu giá trị sản xuất thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 243 tỷ đồng.

### **2.4. Lâm nghiệp**

Triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Thực hiện nghiêm quy chế quản lý giống cây lâm nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra sản xuất, cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp; tập trung sản xuất cây giống, chuẩn bị diện tích đất để trồng rừng. Mở rộng quy trình sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Tiếp tục mở rộng diện tích rừng gỗ lớn. Duy trì, tổ chức cấp mới chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Phân đầu giá trị sản xuất lâm nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 1.100 tỷ đồng.

Củng cố các chốt, trạm, bố trí lực lượng làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và tuyên truyền, cảnh báo phòng cháy chữa cháy rừng, nâng cao năng lực của lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng.

## **3. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Triển khai thực hiện tốt chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết các vấn đề cốt lõi trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô (cây mía, giống cây lâm nghiệp...); sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá lăng, cá chiên...; phục tráng, nâng cao tầm vóc đàn trâu;

ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cam, chè, mía ở những hộ sản xuất và khu vực có điều kiện. Hướng dẫn xây dựng, thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

#### **4. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất**

Tiếp tục thực hiện việc đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là việc phát triển các hợp tác xã nông nghiệp hiệu quả gắn với sản xuất hàng hóa. Mở rộng các ngành nghề dịch vụ, gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, đảm nhiệm tốt vai trò đại diện của nông dân trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ. Tổ chức tốt sản xuất các sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với thị trường.

#### **5. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm**

Triển khai tốt Kế hoạch thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Hướng dẫn mỗi huyện, thành phố tập trung phát triển từ 1-2 sản phẩm chủ lực; mỗi xã, phường, thị trấn tập trung phát triển ít nhất một sản phẩm đặc trưng của địa phương. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đăng ký nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm nông sản mới và tập trung xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý gắn với xây dựng các chuỗi giá trị một số sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh trên thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nông sản hàng hóa. Tăng cường sự liên kết vùng đối với các sản phẩm chủ lực để nâng cao sức cạnh tranh và giá trị thu nhập.

Tăng cường triển khai các chương trình giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt chú trọng kiểm tra, giám sát chất cấm trong chăn nuôi. Thực hiện nghiêm công tác quản lý vật tư nông nghiệp, Quyết định phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sản xuất và an toàn cho người tiêu dùng.

#### **6. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, như: Hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi; chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại kết hợp phát triển du lịch; chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; bê tông hóa đường giao thông nội đồng vào khu sản xuất hàng hóa tập trung; chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Hướng dẫn và giám sát việc

triển khai thực hiện các chính sách của các doanh nghiệp, cơ chế phát triển, thu mua nguyên liệu (*cây mía, chè, rừng nguyên liệu giấy*).

Tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn tỉnh.

## **7. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn**

Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Duy trì, giữ vững 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thành thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Hồng Thái, huyện Na Hang; xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn; xã Vĩnh Lợi và Cáp Tiên, huyện Sơn Dương*).

Triển khai thực hiện "Bộ Tiêu chí nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020" và "Bộ tiêu chí vườn mẫu nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020".

Tham mưu xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp thực hiện tốt kế hoạch di dân ra khỏi vùng nguy hiểm. Triển khai thực hiện tốt quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh, ưu tiên công trình thủy lợi kết hợp tưới cây trồng cạn, nuôi trồng thủy sản phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên cơ sở hợp tác công tư và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công. Tô chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn.

## **8. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh**

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở và Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện nghiêm quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc và không điều khiển phương tiện cơ giới tham gia giao thông khi đã uống rượu, bia vượt quá nồng độ cho phép. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Chủ động phối hợp với các Doanh nghiệp đang đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tiếp cận các chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành công vụ. Thường xuyên làm tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của công dân theo quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin sâu rộng cho các cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện giúp Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện hoàn thành các nội dung công việc trong Kế hoạch đề ra.

#### 2. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở

- Xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong kế hoạch này và các nhiệm vụ của đơn vị theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 49/QĐ-SNN ngày 03/02/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Chủ động thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên tiến độ, kết quả thực hiện; báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm theo đúng Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Giao phòng Kế hoạch-Tài chính theo dõi, giám sát, tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện; tham mưu kịp thời biện pháp chỉ đạo, điều hành hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ công tác năm 2019.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vượt thẩm quyền giải quyết, đề nghị các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ý kiến giải quyết kịp thời./.

*Nơi nhận: nh*

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng ủy Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu: VT, KH-TC.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Việt**

**NHIỆM VỤ TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC, KẾ HOẠCH CỦA UBND TỈNH  
VỀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2019**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 16 /KH-SNN, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)*

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Đề án phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2019-2025.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Tháng 01/2019
2	Đề án phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2035.	Chi cục Thủy sản	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Tháng 01/2019
3	Đề án phát triển kinh tế lâm nghiệp đến năm 2025.	Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Tháng 02/2019
4	Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn tỉnh.	Chi cục Phát triển nông thôn	Các Chi cục: Kiểm lâm, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản. UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Tháng 4/2019
5	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	Chi cục Phát triển nông thôn	Các Chi cục: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trồng trọt và BVTV; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản. Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Thủy sản. Phòng Kế hoạch-Tài chính; Văn phòng Sở. UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Tháng 5/2019

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành
6	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025. Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; cơ chế, chính sách trong lĩnh vực phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.	Phòng Kế hoạch - Tài chính.	Các Chi cục: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản; Kiểm lâm; Thủy lợi. UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Thực hiện theo các kế hoạch đã ban hành.
7	Triển khai thực hiện Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành "Bộ Tiêu chí nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020".	Chi cục Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Năm 2019 và các năm tiếp theo
8	Triển khai thực hiện Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành "Bộ tiêu chí vườn mẫu nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020".	Chi cục Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Năm 2019 và các năm tiếp theo
9	Triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.	Chi cục Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.	Năm 2019 và các năm tiếp theo



**BIỂU CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA SỞ NĂM 2019**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 16 /KH-SNN, ngày 30 /01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
	<b>Tổng số việc: 55 việc</b>		
<b>1</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 07 việc</b>		
1.1	Tham mưu, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, giá trị trong sản xuất trồng trọt.	Tháng 12/2019	Sản lượng lương thực đạt trên 33,7 vạn tấn. Cây lạc: Diện tích trên 4.300ha, năng suất 29,7 tạ/ha. Cây mía: Diện tích 8.228 ha, năng suất trên 70 tấn/ha. Cây chè: Diện tích 8.418 ha, năng suất 85 tạ/ha. Diện tích cam trên 8.340 ha. Giá trị sản xuất trồng trọt (theo giá so sánh 2010) đạt trên 4.200 tỷ đồng.
1.2	Phối hợp nhân rộng mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP.	Tháng 12/2019	HTX chè xanh Làng Bát chứng nhận VietGAP lần 4 mở rộng diện tích chè được chứng nhận trên 20 ha.
1.3	Phối hợp với Công ty Cổ phần cam sành Hàm Yên nhân rộng diện tích sản xuất cam VietGAP.	Tháng 12/2019	Hỗ trợ tư vấn sản xuất, duy trì và chứng nhận sản xuất VietGAP trên 200 ha.
1.4	Tiếp tục thực hiện mô hình sản xuất cam theo định hướng hữu cơ.	Tháng 12/2019	Tư vấn, hướng dẫn cho 30 ha cam sản xuất theo hướng hữu cơ, mở rộng thành lập 03 tổ nhóm.
1.5	Phối hợp với Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương nhân rộng diện tích trồng giống mía mới tại các huyện, thành phố.	Tháng 10/2019	Nhân rộng 200 ha mía giống mới trên địa bàn các huyện, thành phố.
1.6	Phối hợp đề xuất dự án kêu gọi đầu tư vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Năm 2019	Đề xuất được ít nhất 2 dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hoặc nông nghiệp hữu cơ để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
1.7	Tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	Tháng 10/2019	Tổ chức 7 lớp tập huấn với trên 300 lượt người tham dự.
<b>2</b>	<b>Trung tâm Khuyến nông: 05 việc</b>		
2.1	Phối hợp hướng dẫn xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau an toàn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Quý IV năm 2019	Xây dựng được ít nhất 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau, quy mô $\geq 1.000$ m <sup>2</sup> nhà lưới. Nâng cao chất lượng, sản phẩm: đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
2.2	Tiếp tục hướng dẫn, mở rộng tổ chức liên kết sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản đảm bảo chất lượng để mang lại thu nhập cao hơn cho người sản xuất.	Quý IV năm 2019	Kết nối được ít nhất từ 5 doanh nghiệp, hợp tác xã, công ty, siêu thị ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông sản với nông dân để tiêu thụ $\geq 2.000$ tấn sản phẩm nông sản; đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm; đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
2.3	Tiếp tục phối hợp với HTX Nông nghiệp Công nghệ cao Tiến Thành mở rộng mô hình liên kết sản xuất nuôi trâu, bò an toàn sinh học có hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp	Quý IV năm 2019	Mở rộng quy mô liên kết sản xuất nuôi trâu bò an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm đạt $> 1.500$ con /năm.
2.4	Xây dựng mô hình nông lâm kết hợp mang lại hiệu quả kinh tế cao.	Quý IV năm 2019	Xây dựng được ít nhất 03 mô hình phát triển kinh tế nông lâm kết hợp điển hình trên địa bàn tỉnh, thông qua tác động các biện pháp kỹ thuật vào mô hình để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập các hộ gia đình.
2.5	Hướng dẫn để mỗi cán bộ khuyến nông đăng ký hướng dẫn giúp đỡ xây dựng ít nhất 01 mô hình khuyến nông phát triển kinh tế hiệu quả để tuyên truyền nhân rộng.	Quý IV năm 2019	Theo dõi giám sát cán bộ khuyến nông thực hiện mô hình để nâng cao chất lượng, hiệu quả mô hình khuyến nông, phân đầu giá trị sản xuất/ mô hình đạt từ 150-300 triệu đồng trở lên đối với vùng thấp; đạt từ 100 triệu đồng trở lên đối với vùng cao.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
<b>3</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 04 việc</b>		
3.1	Tham mưu giải pháp thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tăng đàn và giá trị sản xuất chăn nuôi đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.	Tháng 10/2019	Tổng đàn chăn nuôi năm 2019: Đàn trâu 105.644 con, đàn bò 36.650 con, đàn lợn 596.300 con, đàn gia cầm 6.292 nghìn con. Giá trị sản xuất chăn nuôi (theo giá so sánh 2010) đạt trên 2.700 tỷ đồng.
3.2	Thực hiện giám sát dịch bệnh chủ động phục vụ phát triển chăn nuôi hàng hóa tại huyện Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương.	Thực hiện thường xuyên	Tổng số mẫu lấy giám sát dịch bệnh: 450 mẫu, trong đó: Cúm gia cầm 150 mẫu, lở mồm long móng 150 mẫu, dịch tả 150 mẫu.
3.3	Tăng cường công tác quản lý vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật và cơ sở chăn nuôi trong chuỗi liên kết thực phẩm an toàn.	Thực hiện thường xuyên và hoàn thành tháng 12/2019	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cho 20 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; 05 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật và cơ sở chăn nuôi.
3.4	Tiếp tục tuyên truyền, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Thực hiện thường xuyên trong năm 2019	Có ít nhất 30 trâu đực giống, 25 bò đực giống, 37 lợn đực giống 12.500 con gia cầm giống được hỗ trợ.
<b>4</b>	<b>Chi cục Thủy sản: 03 việc</b>		
4.1	Khảo sát, tìm kiếm thị trường để giới thiệu các tổ chức, cá nhân thu mua, kinh doanh, dịch vụ thủy sản trong và ngoài tỉnh cho các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ cá đặc sản, cá giá trị kinh tế cao.	Tháng 10/2019	Giới thiệu được ít nhất 6 cửa hàng, tổ chức, cá nhân thu mua, tiêu thụ sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; hình thành được ít nhất 01 liên kết sản xuất, tiêu thụ trên 30 tấn cá đặc sản theo hình thức liên kết; tư vấn và giúp đỡ tổ chức có nhu cầu xây dựng được 01 nhãn hiệu hàng hóa; thường xuyên hướng dẫn tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản nuôi thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
4.2	Tiếp tục duy trì và phát triển bền vững các lồng nuôi cá hiện có; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản mở rộng quy mô sản xuất và chuyển đổi cơ cấu nuôi thủy sản từ các loài cá truyền thống sang nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao. Tham mưu hướng dẫn, chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu sản xuất ngành thủy sản năm 2019.	Tháng 10/2019	Số lồng nuôi trồng thủy sản tăng trên 5% so với năm 2018; sản lượng thủy sản đạt 7.622 tấn; tỷ trọng giá trị cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao đạt trên 17% trong tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản.
4.3	Khảo sát, lựa chọn, xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin cảnh báo về dịch bệnh, thiên tai trong nuôi trồng thủy sản tại các khu vực nuôi tập trung, khu vực nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh.	Tháng 10/2019	Xây dựng được ít nhất 04 đầu mối tiếp nhận thông tin về cảnh báo sớm dịch bệnh, thiên tai tại các khu vực nuôi lồng bè tập trung; mức độ thiệt hại về nuôi trồng thủy sản năm 2019 giảm ít nhất 10% so với năm 2018.
5	<b>Trung tâm Thủy sản: 02 việc</b>		
5,1	Tiếp tục cải tạo, nâng cấp công trình sản xuất giống cá đặc sản bằng phương pháp sinh sản nhân tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu con giống của nhân dân.	Từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2019	Sản xuất 5 vạn con giống cá đặc sản (cá Chiên, cá Bống, cá Anh vũ)
5,2	Nâng cao năng lực của Trại cá Na Hang trong việc sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.	Năm 2019	Quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản hiệu quả.
6	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 02 việc</b>		
6.1	Triển khai xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; triển khai dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông lâm thủy sản.	Tháng 12/2019	Duy trì các cơ sở, sản phẩm đã thực hiện. Xác nhận thêm 05 cơ sở tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn; triển khai dán tem truy xuất nguồn gốc cho ít nhất 15 sản phẩm.
6.2	Kết nối gian hàng, trưng bày sản phẩm nông sản hoặc đưa được sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh được bày bán trong siêu thị Vinmart (Vingroup).	Tháng 10/2019	Kết nối gian hàng, trưng bày 01 gian hàng hoặc đưa được 02 sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh được bày bán trong siêu thị Vinmart (Vingroup).

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
7	<b>Chi cục Kiểm lâm: 06 việc</b>		
7.1	Rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng.	Tháng 12/2019	Kiện toàn các Tổ công tác tại 03 huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ rừng; đấu tranh, ngăn chặn các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Phấn đấu giảm ít nhất 10% số vụ vi phạm và mức độ thiệt hại đối với rừng so với năm 2018.
7.2	Tham mưu chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng và giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2019.	Tháng 12/2019	Hoàn thành kế hoạch trồng rừng 10.850 ha; khai thác 859.000m <sup>3</sup> gỗ rừng trồng. Giá trị sản xuất lâm nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt trên 1.100 tỷ đồng.
7.3	Tham mưu thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Tháng 10/2019	Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ đầy đủ, kịp thời cây giống lâm nghiệp đảm bảo chất lượng cho các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng đúng khung thời vụ. Có cây giống chất lượng cao đảm bảo theo nhu cầu đăng ký của hộ gia đình, cá nhân trước 30/4/2019; cung ứng cây giống để trồng rừng xong trước 30/6/2019.
7.4	Tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh chỉ đạo thành công cuộc diễn tập Ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.	Trong năm 2019	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo diễn tập; Quyết định thành lập cơ quan Ban chỉ đạo diễn tập; Kế hoạch diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn được Trưởng Ban Chỉ đạo diễn tập phê duyệt; Báo cáo đánh giá kết quả diễn tập sau khi hoàn thành diễn tập. Kết quả đạt từ loại giỏi trở lên.
7.5	Hướng dẫn, đôn đốc tham mưu thực hiện để mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn tỉnh.	Tháng 12/2019	Có thêm 3.000 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
7.6	Tham mưu đôn đốc các huyện, thành phố, các sở, ban ngành thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban bí thư TW; Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 20/4/2017 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh.	Thực hiện thường xuyên	Các cấp ủy Đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và người dân đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; giảm ít nhất 10% số vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng và giảm mức độ thiệt hại đối với tài nguyên rừng; hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trồng, chăm sóc rừng, giữ vững tỷ lệ che phủ rừng.
8	<b>Trung tâm Điều tra quy hoạch-thiết kế NLN: 01 việc</b>		
8.1	Tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động.	Quý IV/2019	Thu nhập người lao động tăng 10% so với năm 2018
9	<b>Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang: 01 việc</b>		
9.1	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn đơn vị được giao quản lý.	Tháng 12/2019	Hoàn thành trồng 23,8 ha rừng bằng giống chất lượng cao. Giảm ít nhất 10% số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng so với năm 2018.
10	<b>Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình: 01 việc</b>		
10.1	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn đơn vị được giao quản lý.	Tháng 12/2019	Hoàn thành trồng 60 ha rừng bằng giống chất lượng cao. Giảm ít nhất 10% số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng so với năm 2018.
11	<b>Chi cục Thủy lợi: 04 việc</b>		
11.1	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 về chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Thực hiện thường xuyên	Tham mưu các giải pháp để các tổ chức cá nhân đủ điều kiện được vay vốn theo chính sách.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
11.2	Tham mưu thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Theo kế hoạch	Hoàn thành 100% các nội dung thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT theo đúng kế hoạch được duyệt.
11.3	Tham mưu thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.	Theo kế hoạch	Hoàn thành 100% các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai của Sở Nông nghiệp và PTNT và Chi cục Thủy lợi theo đúng kế hoạch được duyệt.
11.4	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh	Theo tiến độ kế hoạch được duyệt	Thực hiện theo Văn bản số 1886/SNN-TTN ngày 20/11/2018 của Sở về giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch 73/KH-UBND ngày 30/7/2018 của Sở.
<b>12</b>	<b>Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi: 03 việc</b>		
12.1	Tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn các Ban kiên cố hóa kênh mương của xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh.	Thực hiện thường xuyên trong năm	Thực hiện hoàn thành kế hoạch toàn tỉnh về kiên cố hóa kênh mương, đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật.
12.2	Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý và phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi phù hợp với Luật Thủy lợi.	Quý II/2019	Hoàn thành phương án đề xuất mô hình quản lý và phương án phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi phù hợp với điều kiện của tỉnh làm cơ sở xây dựng đề án sắp xếp lại tổ chức.
12.3	Hướng dẫn các Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi cơ sở rà soát diện tích, lập hồ sơ hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đảm bảo đúng quy định.	Quý IV/2019	Hợp đồng tưới tiêu, nghiệm thu diện tích tưới tiêu theo đúng thực tế thực hiện.

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
<b>13</b>	<b>Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 02 việc</b>		
13.1	Tổ chức quản lý khai thác hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt được giao.	Thường xuyên	Quản lý hiệu quả các công trình đang hoạt động; lập phương án xử lý các công trình dừng hoạt động theo đúng quy định.
13.2	Quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp nước vốn WB đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.	Theo kế hoạch được duyệt	Thực hiện quản lý đầu tư xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư theo thiết kế được duyệt.
<b>14</b>	<b>Chi cục Phát triển nông thôn: 03 việc</b>		
14.1	Xây dựng và phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp hiệu quả gắn với sản xuất hàng hóa	Quý IV/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập mới 30 HTX nông nghiệp, trong đó có 10 HTX tổ chức sản xuất hàng hóa.</li> <li>- Số hợp tác xã thực hiện liên kết sản xuất là 60 HTX tăng 06 HTX so năm 2018. Số HTX sản xuất ứng dụng công nghệ cao là 06 HTX.</li> <li>- Tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả (khá, giỏi) đạt từ 30% trở lên, tăng 4% so năm 2018.</li> <li>- Có ít nhất 02 HTX đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu trí tuệ.</li> </ul>
14.2	Phối hợp tham mưu xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm hàng hóa nông sản tỉnh, huyện, thành phố.	Năm 2019	Lựa chọn, xây dựng 01 Trung tâm giới thiệu sản phẩm nông sản tại thành phố Tuyên Quang và mỗi huyện có một điểm giới thiệu sản phẩm nông sản.
14.3	Triển khai thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Thực hiện thường xuyên	Tập huấn, tuyên truyền 08 lớp/420 học viên tại các huyện, thành phố. Hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện để có ít nhất 07 sản phẩm đạt tiêu chuẩn của Chương trình OCOP.



STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
<b>15</b>	<b>Phòng Kế hoạch-Tài chính: 02 việc</b>		
15.1	Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách, đầu tư công ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025.	Quý IV/2019	Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách, đầu tư công ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025 là cơ sở đề xuất, xây dựng Báo cáo chính trị Đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2021-2025.
15.2	Tham mưu kiểm tra, giám sát tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp hàng hóa và các chỉ tiêu kinh tế-xã hội ngành nông nghiệp và PTNT.	Tháng 10/2019	Qua giám sát kịp thời tham mưu đề xuất giải pháp thực hiện để đảm bảo đạt lộ trình kế hoạch đề ra.
<b>16</b>	<b>Phòng Tổ chức cán bộ: 02 việc</b>		
16.1	Đề án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Quý III/2019	Hoàn thiện xây dựng Đề án chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng, đơn vị thuộc Sở trình UBND tỉnh phê duyệt.
16.2	Đề án kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.	Tháng 4/2019	Hoàn thiện Đề án kiện toàn, sắp xếp lại các Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang, Lâm Bình; Rà soát lại chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Hoàn thiện Đề án kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Thủy sản, Trung tâm nước sạch và VSMTNT, Trung tâm Điều tra, quy hoạch thiết kế Nông lâm nghiệp; Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang); Rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
<b>17</b>	<b>Thanh tra Sở: 02 việc</b>		
17.1	Kiểm tra việc thực hiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với Chi cục QLCL NLS&TS	Trong năm 2019	Báo cáo/Biên bản làm việc với đơn vị; tham mưu văn bản chỉ đạo (nếu cần thiết).

STT	Nội dung công việc/các hoạt động thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kết quả đạt được
17.2	Kiểm tra kết quả hỗ trợ trồng rừng giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Trong năm 2019	Báo cáo; tham mưu văn bản chỉ đạo (nếu cần thiết).
<b>18</b>	<b>Văn phòng Sở: 03 việc</b>		
18.1	Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính.	Thực hiện thường xuyên	Các thủ tục hành chính được rà soát, chuẩn hóa, công bố theo quy định; đôn đốc các phòng, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng và trước hạn.
18.2	Theo dõi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của Sở.	Theo quyết định của UBND tỉnh	Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định, hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Danh mục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh
18.3	Tham mưu quản lý vận hành hiệu quả trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT	Thường xuyên	Cập nhật đầy đủ các thông tin cần thiết lên trang thông tin điện tử của sở; xây dựng các chuyên mục quảng bá cần thiết; tăng số lượng, chất lượng tin bài thuộc các lĩnh vực của ngành.
<b>19</b>	<b>Phòng quản lý xây dựng công trình: 02 việc</b>		
19.1	Tiếp tục hướng dẫn thực hiện mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Trong năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền về chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Các phương pháp, kỹ thuật tưới và hiệu quả của công nghệ kỹ thuật tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn cho trên 20 tổ chức, cá nhân có nhu cầu.</li> <li>- Hướng dẫn thực hiện 01 mô hình hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn nếu các tổ chức cá nhân có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định.</li> </ul>
19.2	Tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế và dự toán xây dựng theo đúng thời hạn cơ chế một cửa trong đó phần đầu 20% hồ sơ công trình hoàn thành trước thời hạn.	Thực hiện thường xuyên	100% hồ sơ thẩm định hoàn thành đúng thời hạn. Trong đó 20% hồ sơ thẩm định hoàn thành trước thời hạn, nhằm góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của Sở.